

CHÍNH PHỦ
Số: 176/1999/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 1999

NGHỊ ĐỊNH
Về lệ phí trước bạ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để tăng cường quản lý Nhà nước, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sở hữu, sử dụng tài sản và huy động nguồn thu cho ngân sách Nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

PHẠM VI ÁP DỤNG

Điều 1. Các tài sản quy định dưới đây phải chịu lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền:

- Nhà, đất.
- Phương tiện vận tải, bao gồm:
 - Tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, vỏ, tổng thành máy.
 - Thuyền.
 - Ôtô, kể cả khung, tổng thành máy.
 - Xe máy kể cả khung, tổng thành máy.
- Súng săn, súng thể thao.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân có các tài sản thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định này phải nộp lệ phí trước bạ trước khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, trừ các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định này.

Điều 3. Các trường hợp sau đây không phải nộp lệ phí trước bạ:

1. Nhà, đất là trụ sở của cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự và nhà ở của người đứng đầu cơ quan Lãnh sự của nước ngoài tại Việt Nam.

2. Tàu, thuyền, ô tô, xe gắn máy, súng săn, súng thể thao của tổ chức, cá nhân nước ngoài sau đây:

a) Cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự, cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc;

b) Viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, nhân viên hành chính kỹ thuật của cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự nước ngoài, thành viên cơ quan các tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc và thành viên của gia đình họ không phải là công dân Việt Nam hoặc không thường trú tại Việt Nam được Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ;

c) Tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b khoản này, nhưng được miễn nộp hoặc không phải nộp lệ phí trước bạ theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết, tham gia hoặc thoả thuận.

3. Đất được Nhà nước giao cho các tổ chức, cá nhân sử dụng vào các mục đích sau đây:

a) Xây dựng đường giao thông, cầu, cống, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, sông, hồ, đê, đập, thủy lợi, trường học, bệnh viện, chợ, công viên, vườn hoa, khu vui chơi cho trẻ em, quảng trường, sân vận động, sân bay, bến cảng, nhà ga, bến xe và các công trình công cộng khác theo quy định cụ thể của Chính phủ;

b) Thăm dò, khai thác khoáng sản, nghiên cứu khoa học theo giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

c) Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối;

d) Đất xây dựng nhà để kinh doanh nhà mà tổ chức, cá nhân được phép hoạt động kinh doanh nhà đã nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Đất thuê của Nhà nước hoặc thuê của tổ chức, cá nhân đã có quyền sử dụng đất hợp pháp.

5. Tài sản chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Đất, nhà sử dụng vào quốc phòng, an ninh;

b) Tàu, thuyền, ô tô, xe gắn máy chuyên dùng vào mục đích quốc phòng, an ninh đăng ký tên cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an.

Các tài sản nêu tại điểm a, b trên đây nếu được dùng vào mục đích khác thì phải nộp lệ phí trước bạ.

6. Nhà, đất thuộc tài sản Nhà nước hoặc tài sản của Đảng, dùng làm trụ sở cơ quan, bao gồm: cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước; cơ quan tư pháp; cơ quan hành chính sự nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

7. Nhà, đất được đền bù (kể cả nhà, đất mua bằng tiền được đền bù) khi Nhà nước thu hồi nhà, đất mà nhà, đất bị thu hồi đã nộp lệ phí trước bạ.

8. Tài sản của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng khi đăng ký lại quyền sở hữu, sử dụng không phải nộp lệ phí trước bạ trong những trường hợp sau đây:

a) Tài sản đã được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng nay đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng mới mà không thay đổi chủ sở hữu tài sản;

b) Tài sản của doanh nghiệp được cổ phần hoá thành sở hữu công ty cổ phần;

c) Tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng chung của hộ gia đình khi phân chia tài sản đó cho các thành viên hộ gia đình đăng ký lại.

9. Tài sản của tổ chức, cá nhân đã nộp lệ phí trước bạ sau đó chuyển cho tổ chức, cá nhân khác đăng ký quyền sở hữu, sử dụng không phải nộp lệ phí trước bạ trong những trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân, xã viên hợp tác xã đem tài sản của mình góp vốn vào tổ chức liên doanh, hợp doanh, hợp tác xã hoặc khi tổ chức liên doanh, hợp doanh, hợp tác

xã giải thể, phân chia tài sản của mình cho tổ chức, cá nhân thành viên;

c) Tài sản của Tổng công ty, Công ty, doanh nghiệp điều động cho các đơn vị thành viên hoặc Tổng công ty, Công ty, doanh nghiệp điều động tài sản giữa các đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty, Công ty, doanh nghiệp theo hình thức ghi tăng, ghi giảm vốn;

d) Tài sản được chia hay góp do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Tài sản chuyển đến địa phương nơi sử dụng mà không thay đổi chủ sở hữu.

10. Nhà tình nghĩa, kể cả đất kèm theo nhà đăng ký sở hữu, sử dụng tên người được tặng.

11. Xe chuyên dùng: xe cứu hỏa, xe cứu thương, xe chở rác, xe tưới nước, rửa đường; xe chuyên dùng cho thương binh, bệnh binh, người tàn tật, đăng ký quyền sở hữu tên thương binh, bệnh binh, người tàn tật.

12. Vỏ tàu và tổng thành máy tàu thủy, khung ô tô và tổng thành máy ô tô, khung xe máy và tổng thành máy, xe máy thay thế mà phải đăng ký lại trong thời hạn bảo hành.

13. Tài sản là hàng hoá được phép kinh doanh của các tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động kinh doanh mà không đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cũng không phải kê khai, nộp lệ phí trước bạ theo quy định của Nghị định này.

Chương II

CĂN CỨ TÍNH VÀ KÊ KHAI, NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

Điều 4. Căn cứ tính lệ phí trước bạ là giá tính lệ phí trước bạ và tỷ lệ (%) lệ phí trước bạ.

Điều 5. Giá tính lệ phí trước bạ là trị giá tài sản chịu lệ phí trước bạ theo giá thị trường trong nước tại thời điểm tính lệ phí trước bạ.

Giá tính lệ phí trước bạ đối với một số trường hợp cụ thể được quy định như sau:

1. Đối với đất là giá đất được ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định theo khung giá đất của Chính phủ.

2. Đối với các tài sản khác là giá mua thực tế theo giá thị trường tại thời điểm tính lệ phí trước bạ.

3. Trường hợp tài sản không xác định được giá mua thực tế hoặc giá mua không phù hợp với giá thị trường tại thời điểm tính lệ phí trước bạ thì được xác định theo bảng giá tối thiểu do ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định.

Căn cứ vào quy định tại Điều này, Bộ Tài chính hướng dẫn ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định và ban hành bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ áp dụng tại địa phương phù hợp với giá cả thị trường trong từng thời kỳ.

Điều 6. Tỷ lệ (%) lệ phí trước bạ được quy định như sau:

1. Nhà, đất là 1%.
2. Tàu, thuyền là 1%. Riêng tàu đánh cá xa bờ là 0,5%.
3. Ô tô, xe máy, súng săn, súng thể thao là 2%. Riêng xe gắn máy đăng ký, nộp lệ phí trước bạ tại Việt Nam từ lần thứ 2 trở đi là 1%.

Mức thu lệ phí trước bạ đối với tài sản quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này không chế tối đa là 500 triệu đồng/1 tài sản. Riêng nhà xưởng sản xuất kinh doanh được tính chung cho nhà xưởng trong cùng một khuôn viên của cơ sở sản xuất kinh doanh.

Điều 7. Tổ chức, cá nhân nhận tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ có trách nhiệm:

1. Mỗi lần nhận (mua, được cho, được thừa kế ...) tài sản phải kê khai lệ phí trước bạ với cơ quan Thuế theo đúng mẫu tờ khai và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kê khai.

Thời hạn quy định phải kê khai lệ phí trước bạ chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày làm giấy tờ chuyển giao tài sản hợp pháp giữa hai bên hoặc ngày nhận được xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hồ sơ tài sản hợp pháp. Đối với các tài sản chuyển dịch trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nếu chưa kê khai lệ phí trước bạ thì ngày phải kê khai lệ phí trước bạ được tính kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.